



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/02/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/00**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **1/3**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0035-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ỒN, VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230210001_KK03)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK03	28,9	60,7	0,2	74,6
QCVN 24 : 2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26 : 2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
QCVN 02 : 2019/BYT	-	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230210001_KK03)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK03	0,15	0,058	0,060	5,17
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	-
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HĐ-TN.04

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/02/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 8/8

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thanh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ÒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230210001_KK01-02)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	30,9	58,6	0,4	56,2
KK02	31,0	58,4	0,3	55,1
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **2/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230210001_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,15	0,059	0,063	5,21
KK02	0,17	0,061	0,066	5,19
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **3/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 230210001_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT: 2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	6,98	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO_3) [*]	mg/L	68	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat [*]	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N-NH_4^+) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,01)	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl^-) [*]	mg/L	57	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F^-) [*]	mg/L	0,15	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N-NO_2^-) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N-NO_3^-) [*]	mg/L	0,66	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe) [*]	mg/L	0,13	5	SMEWW 3500- Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/ 100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm hộ dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°36'48.4'', Vĩ độ: 11°23'36.4'') – Nước trong, có cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019.

Trang: 4/8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 230210001_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	7,05	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	< 15	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,07	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	12	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	KPH (MDL=1)	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	49	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N-NO ₂) [*]	mg/L	0,016	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N-NO ₃)	mg/L	0,41	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,13	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	9 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện...

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **5/8**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

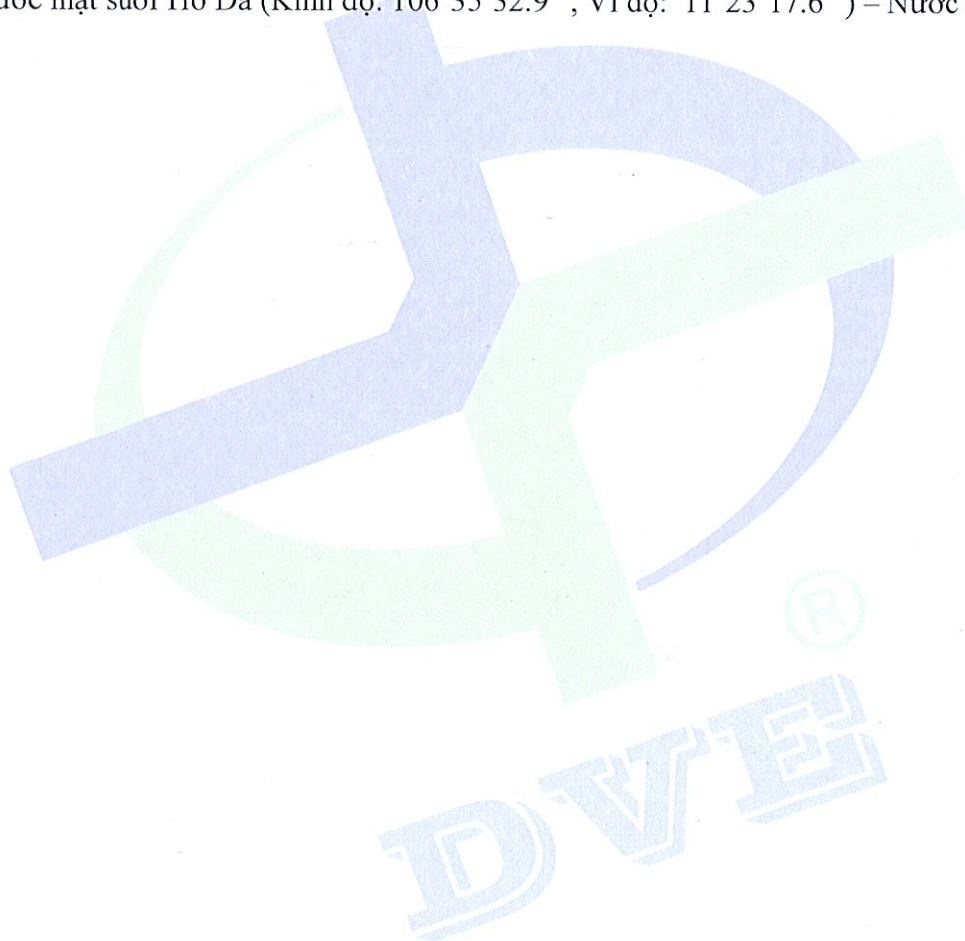
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Hồ Đá (Kinh độ: 106°35'32.9'', Vĩ độ: 11°23'17.6'') – Nước trong, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 6/8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0035-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT
(Mã số mẫu: 230210001_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000& SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	11,7	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3111B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	8,6	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:☒ Đất TCVN 7538:2005**Ký hiệu vị trí lấy mẫu:**

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'15.3'') – Đất mịn, khô

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 8/8



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0036-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
3. Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 11/02/2023
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC



ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0036-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ỒN, VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230211001_KK03)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK03	29,2	61,3	0,2	70,6
QCVN 24 : 2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26 : 2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
QCVN 02 : 2019/BYT	-	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0036-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230211001_KK03)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK03	0,16	0,061	0,063	5,22
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	-
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 11/02/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 8/8

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230211001_KK01-02)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	30,6	62,3	0,3	62,4
KK02	31,0	61,5	0,3	60,1
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230211001_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,16	0,062	0,065	5,17
KK02	0,17	0,058	0,061	5,24
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **3/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 230211001_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT: 2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	6,87	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO_3) [*]	mg/L	63	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat [*]	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N-NH_4^+) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,01)	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl^-) [*]	mg/L	44	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F^-) [*]	mg/L	0,12	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N-NO_2^-) [*]	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N-NO_3^-) [*]	mg/L	0,52	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe) [*]	mg/L	0,17	5	SMEWW 3500- Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/ 100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm hộ dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°36'48.4'', Vĩ độ: 11°23'36.4'') – Nước trong, có cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **4/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 230211001_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	7,12	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	< 15	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,12	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	16	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	KPH (MDL=1)	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	62	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N_NO ₂)*	mg/L	0,013	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)	mg/L	0,28	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P_PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,11	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	7 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
 - Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
 - Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
 - Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
 - Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **5/8**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Hồ Đá (Kinh độ: 106°35'32.9'', Vĩ độ: 11°23'17.6'') – Nước trong, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**
LBH/SX: **03/00**
NBH: **02/05/2019**
Trang: **6/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0036-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 230211001_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	13,2	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	7,5	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:☒ Đất TCVN 7538:2005**Ký hiệu vị trí lấy mẫu:**

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'15.3'') – Đất mịn, khô

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**LBH/SX: **03/00**NBH: **02/05/2019**Trang: **8/8**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0037-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
- Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/02/2023
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC



ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0037-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC TIẾNG ÒN, VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230213001_KK03)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK03	29,6	62,4	0,2	72,6
QCVN 24 : 2016/BYT	-	-	-	≤ 85
QCVN 26 : 2016/BYT	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5	-
QCVN 02 : 2019/BYT	-	-	-	-
Phương pháp đo đặc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 24 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26 : 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Chi nhánh Tây Nguyên: (84.263) 399 8182

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-0037-1/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230213001_KK03)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK03	0,18	0,060	0,065	5,21
QCVN 03 : 2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
QCVN 02 : 2019/BYT	≤ 8	-	-	≤ 25
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995

Ghi chú:

- QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK03: Khu vực bên trong nhà xưởng (Kinh độ: 106°36'02.4'', Vĩ độ: 11°23'14.9'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)
3. Địa chỉ : Lô A9.2 – A9.3, KCN Chơn Thành 1, ấp 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Hồ Minh Hiếu, Nguyễn Thanh Phương
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/02/2023
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 8/8

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ÒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 230213001_KK01-02)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	31,3	59,7	0,3	63,8
KK02	31,6	61,5	0,2	60,1
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2010

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 230213001_KK01)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
KK01	0,16	0,060	0,062	5,19
KK02	0,18	0,064	0,059	5,25
QCVN 05 : 2013/BTNMT	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04

Ghi chú:

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- KK01: Khu vực cổng bảo vệ (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'16.3'')
- KK02: Khu vực phía cuối dự án (Kinh độ: 106°36'01.3'', Vĩ độ: 11°23'13.5'')

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM
(Mã số mẫu: 230213001_NN01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09-MT: 2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NN01		
1	pH	-	6,92	5,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)*	mg/L	72	500	SMEWW 2340C:2017
3	Chỉ số pemanganat*	mg/L	KPH (MDL=0,2)	4	TCVN 6186:1996
4	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	1,0	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
5	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	54	250	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
6	Florua (F ⁻)*	mg/L	0,18	1,0	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
7	Nitrit (N_NO ₂ ⁻)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	1,0	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
8	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)*	mg/L	0,62	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Sắt (Fe)*	mg/L	0,15	5	SMEWW 3500- Fe.B:2017
10	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	KPH	3	TCVN 6187-2:1996
11	E. Coli	MPN/ 100mL	KPH	Không phát hiện	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước ngầm TCVN 6663-11 : 2011 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2011
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NN01: Nước ngầm hộ dân ngoài KCN (Kinh độ: 106°36'48.4'', Vĩ độ: 11°23'36.4'') – Nước trong, có cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 4/8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 230213001_NM01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT				Phương pháp đo đặc, phân tích
			NM01	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂	
1	pH	-	7,17	6 – 8,5	6 – 8,5	5,5 – 9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	< 15	20	30	50	100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,04	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	18	10	15	30	50	SMEWW 5220C:2017
5	BOD ₅	mg/L	KPH (MDL=1)	4	6	15	25	TCVN 6001-1, 2:2008
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	KPH (MDL=0,01)	0,3	0,3	0,9	0,9	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
7	Clorua (Cl)*	mg/L	56	250	350	350	-	TCVN 6194:1996 – ISO 9297: 1989 (E)
8	Nitrit (N-NO ₂)*	mg/L	0,012	0,05	0,05	0,05	0,05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
9	Nitrat (N-NO ₃)	mg/L	0,34	2	5	10	15	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,1	0,2	0,3	0,5	SMEWW 4500-P.D:2017
11	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,01	0,02	0,05	0,1	SMEWW 3113B:2017
12	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,1	0,2	0,5	1	SMEWW 3113B:2017
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,10	0,5	1	1,5	2	SMEWW 3500-Fe.B:2017
14	Tổng Coliform	MPN/100mL	11 x 10 ²	2.500	5.000	7.500	10.000	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
 - Cột A1: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.
 - Cột A2: Nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1, B2.
 - Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.
 - Cột B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.
- KPH: Không phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 5/8



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

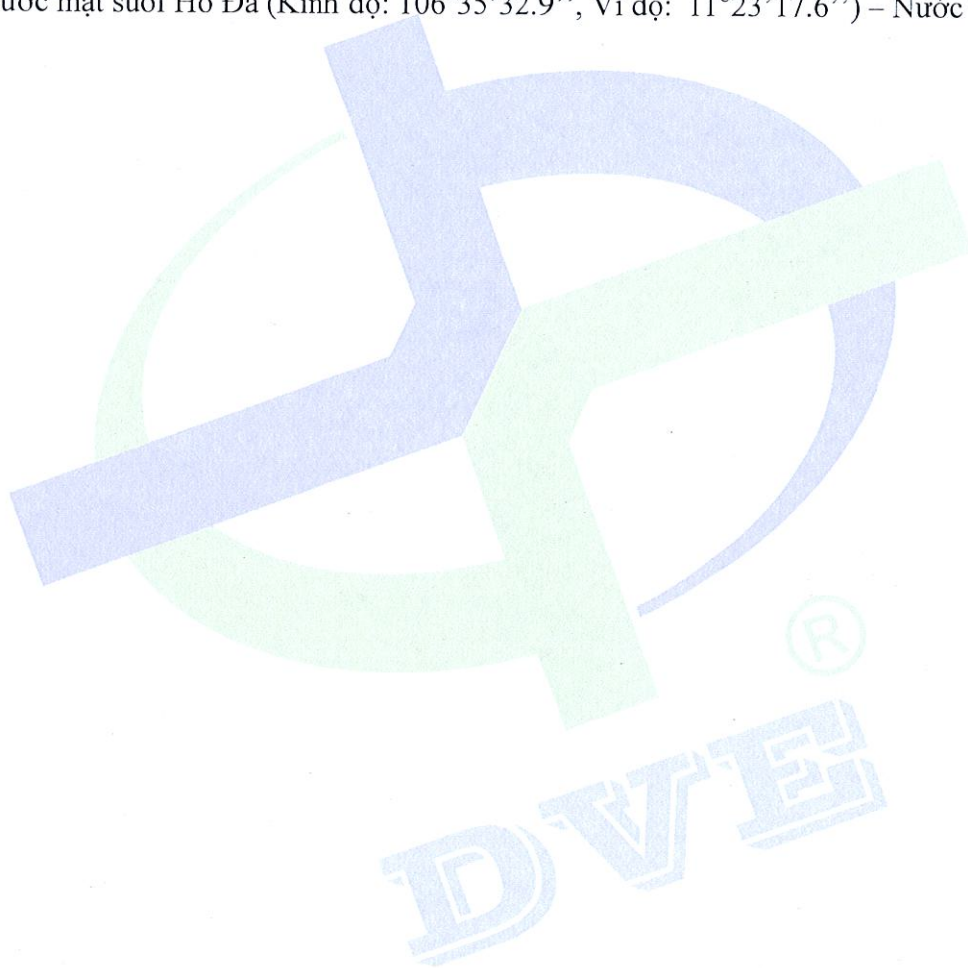
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Ao hồ TCVN 5994: 1995 ☒ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM01: Nước mặt suối Hồ Đá (Kinh độ: 106°35'32.9'', Vĩ độ: 11°23'17.6'') – Nước trong, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: **BM.04.06**

LBH/SX: **03/00**

NBH: **02/05/2019**

Trang: **6/8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

066

Mã số phiếu: DVE-0037-2/2302

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT
(Mã số mẫu: 230213001_DD01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT : 2015/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	25	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3113B:2017
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3111B:2017
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,05)	10	TCVN 6649:2000& SMEWW 3113B:2017
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	10,5	300	TCVN 6649:2000& SMEWW 3113B:2017
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	9,3	300	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017
6	Crom (Cr)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=8,0)	250	TCVN 6649:2000 & SMEWW 3111B:2017

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03-MT : 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:☒ Đất TCVN 7538:2005**Ký hiệu vị trí lấy mẫu:**

- DD01: Đất bên trong khu dự án (Kinh độ: 106°36'00.9'', Vĩ độ: 11°23'15.3'') – Đất mịn, khô

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/00

NBH: 02/05/2019

Trang: 8/8

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần đầu tư phát triển môi trường Đại Việt

Trụ sở chính: Số 4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Phan Thanh Quý Chức vụ: Tổng giám đốc

Số CMT: 025945026

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 26 tháng 9 năm 2014

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 04 tháng 3 năm 2021

Đến ngày 03 tháng 3 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05 thông số Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02 thông số Đo tại hiện trường: 03 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 02 thông số Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02 thông số Đo tại hiện trường: 06 thông số
2. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số
3. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số
5. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số
6. Khí:	
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 26 thông số Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 30 thông số Đo tại hiện trường: 11 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	39 thông số
- Nước thải:	34 thông số
- Nước biển:	27 thông số
- Nước mưa:	11 thông số
- Nước dưới đất:	40 thông số
2. Đất:	17 thông số
3. Bùn:	16 thông số
4. Trầm tích:	09 thông số
5. Chất thải rắn:	19 thông số
6. Khí:	
- Không khí xung quanh:	20 thông số
- Khí thải:	22 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

KI. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG





Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

Laboratory:

DAI VIET ENVIRONMENT DEVELOPMENT INVESTMENT CORP

Địa điểm PTN/ Lab location:

4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 718

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

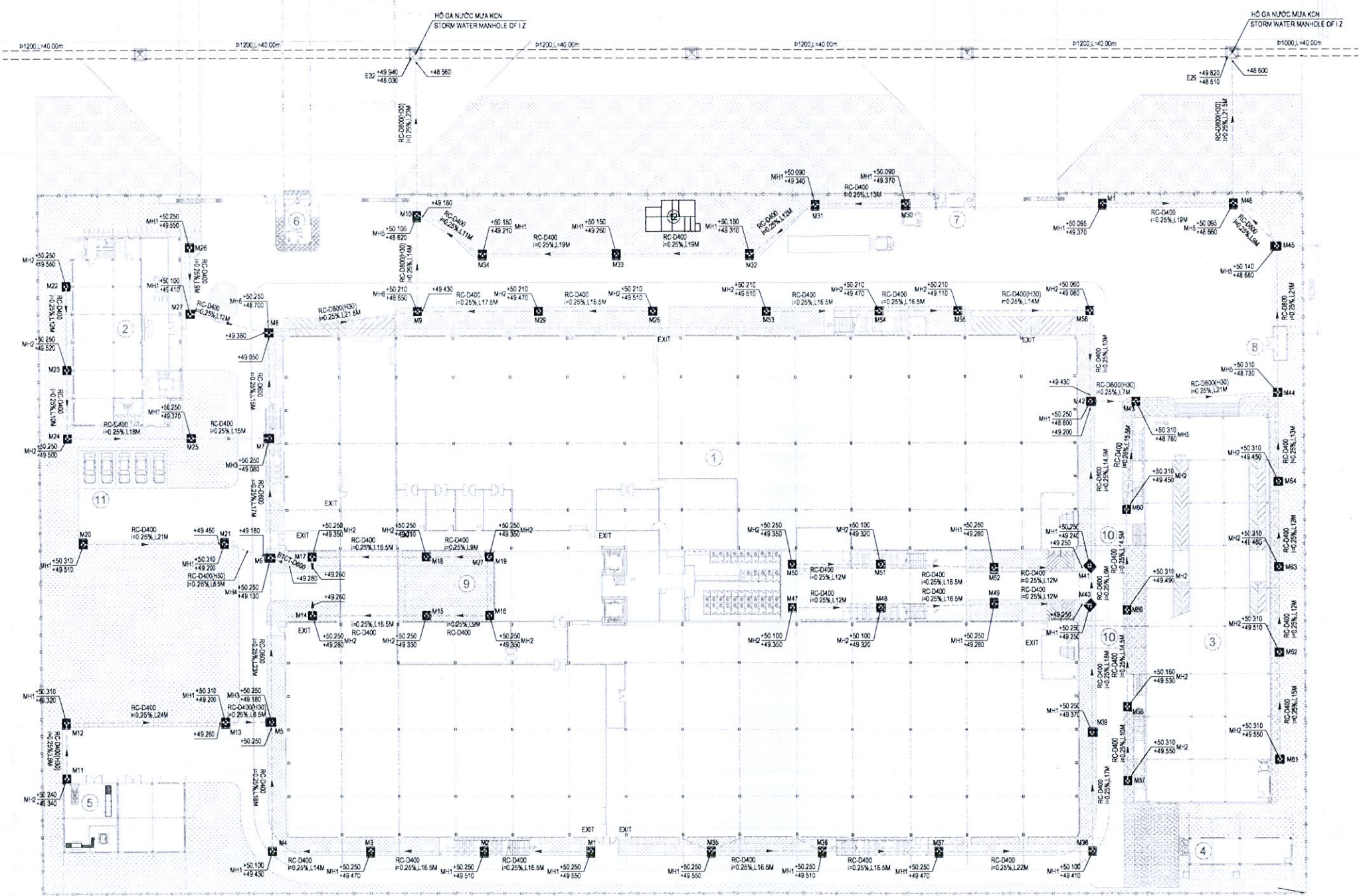


VŨ XUÂN THUY

Ngày/ Date of Issue: 11/08/2020 (Annex of decision: 660.2020/QĐ-VPCNCL date 11/08/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 03/08/2023

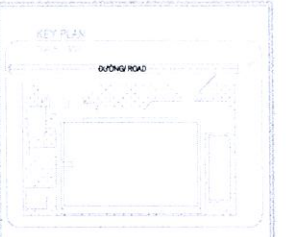
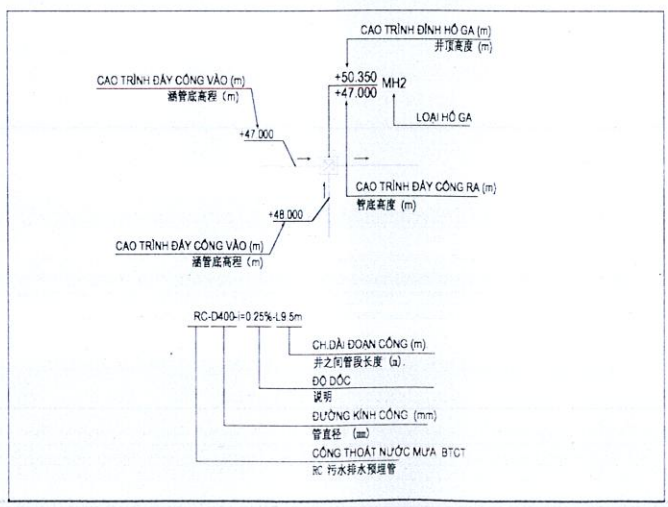
Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 24/01/2014



TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA SC: 1/300

STT	TÊN HÀNG MỤC
1	XUỐNG
2	VĂN PHÒNG
3	NHÀ XE + CÁN - TÍN
4	TRẠM BƠM BỂ NƯỚC NGẦM PCCC 600 m³
5	PP ĐIỆN + NHÀ PHÉ LIỆU
6	CÔNG CHỈNH + NHÀ BẢO VỆ
7	CÔNG PHỤ + NHÀ BẢO VỆ
8	KHU CHỨA RÁC TẠM
9	BỂ THU HỒI NƯỚC MƯA 504m³
10	CẦU VƯỢT
11	BÀI XE 4 BÀNH
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Kí hiệu	Diễn giải
MH	HỒ GA NƯỚC MƯA
	CÔNG THOÁT NƯỚC MƯA BTCT
	ĐƯỜNG LÔNG DUNG CÔNG BTCT LY TÂM H30
	TRÊN VÁNH DUNG CÔNG BTCT LY TÂM H10
	TRÊN MẶT ĐƯỜNG CÔNG BTCT LY TÂM H10



THIẾT KẾ: ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT: ☐ TRÌNH DUYỆT: ☒ THAM KHẢO: ☐ THƯ CÔNG: ☐ HUYẾT CHỮ: ☐

CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)

CHỖ ĐÓNG DẤU:

YEH HSINCHANG

NHÀ MÁY MAY MẶC CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)

DA DẪM XÂY DỰNG

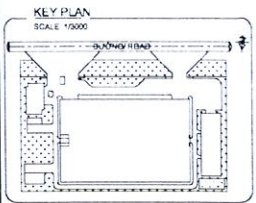
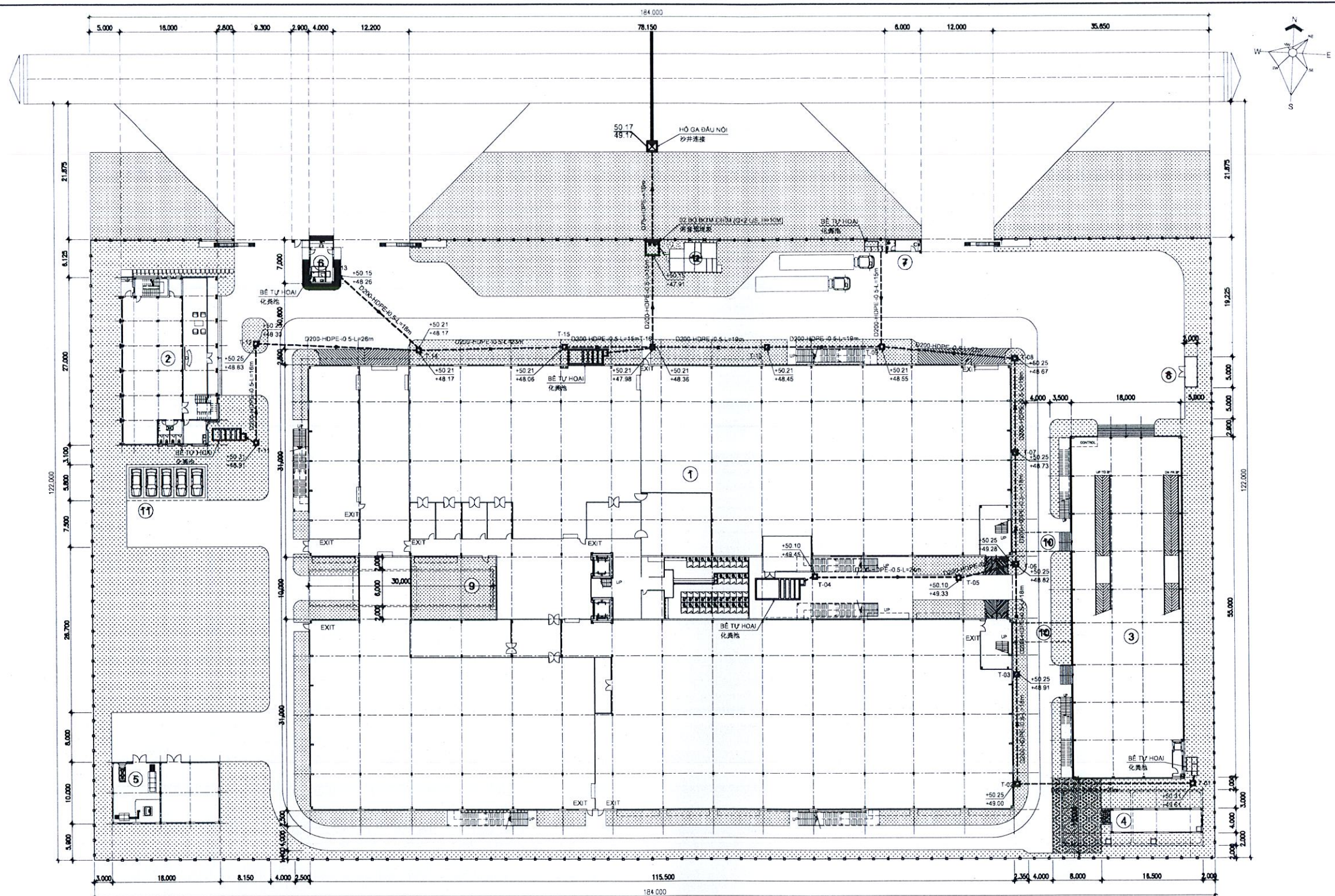
LỖ 8.2 - 8.3 KINH CHON THANH L KỶ 2, P. THANH LAM, TX CHON THANH, TINH BINH PHUOC

HÀNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG

TÊN BẢN VẼ: TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

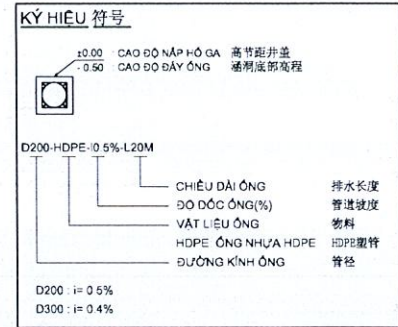
BẢN VẼ SỐ: 117-2019/P00-01-05

TỶ LỆ: 1/300



TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SC:1/300
废水总体规划 比例:1/300

STT 编號	TÊN HÀNG MỤC 項目
1	XƯỞNG 廠房
2	VĂN PHÒNG 辦公室
3	NHÀ XE + CÁN - TIN 停車場+餐館
4	TRẠM BƠM BỂ NƯỚC NGẦM PCCC 600 m³ 泵房-600 m³ 地下消防池
5	PP ĐIỆN + NHÀ PHÉ LIỆU 交配電 + 廢料房
6	CÔNG CHÍNH + NHÀ BẢO VỆ 大門+警衛室
7	CÔNG PHỤ + NHÀ BẢO VỆ 側門+警衛室
8	KHU CHỨA RÁC TẠM 垃圾房
9	BỂ THU HỒI NƯỚC MƯA 504m³ 雨水回收池504m³
10	CẦU VƯỢT 天橋
11	BÃI XE 4 BÃNH 汽車場
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



YEH HSINCHANG

LÔ A8.2, A8.3, KỶ CHƠN THÀNH I, KỶ 2, P. THÀNH TÂM,
TX CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TỔNG MẶT BẰNG
總平面

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
废水总体规划

BẢN VẼ SỐ 117.2018/P00-01-03
TỶ LỆ A1/1000 比例1/1000

MẶT BẰNG HẦM TƯ HOẠI TL: 1/25
PLAN OF SEPTIC TANK SC: 1/25

CHI TIẾT ĐẠN 2400x820 TL: 1/25
2400x820 COVER DETAIL SC: 1/25
SL: 05
QUANTITY: 5

CHI TIẾT NÁP THẨM 900x900mm TL: 1/25
900x900mm MANHOLE COVER DETAIL SC: 1/25

MAT CAT 1-1	TL:1/25
1-1 SECTION	SC:1/25

ĐẠI CHẾ LỘ A9.2 - A9.3 KẺ CHƠI THÀNH LẬP

MAT CÁT 2-2 TL: 1/25
2-2 SECTION SC: 1/25

MAT CAT 3-3	TL:1/25
3-3 SECTION	SC:1/25

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI WC1 TL: 1/25
WC1 化糞池細節 比例: 1/25

QUẢN

NHÀ MÁY MAY MẮC CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE ENTERPRISE VIỆT NAM

NAME NHA XUONG
DATE

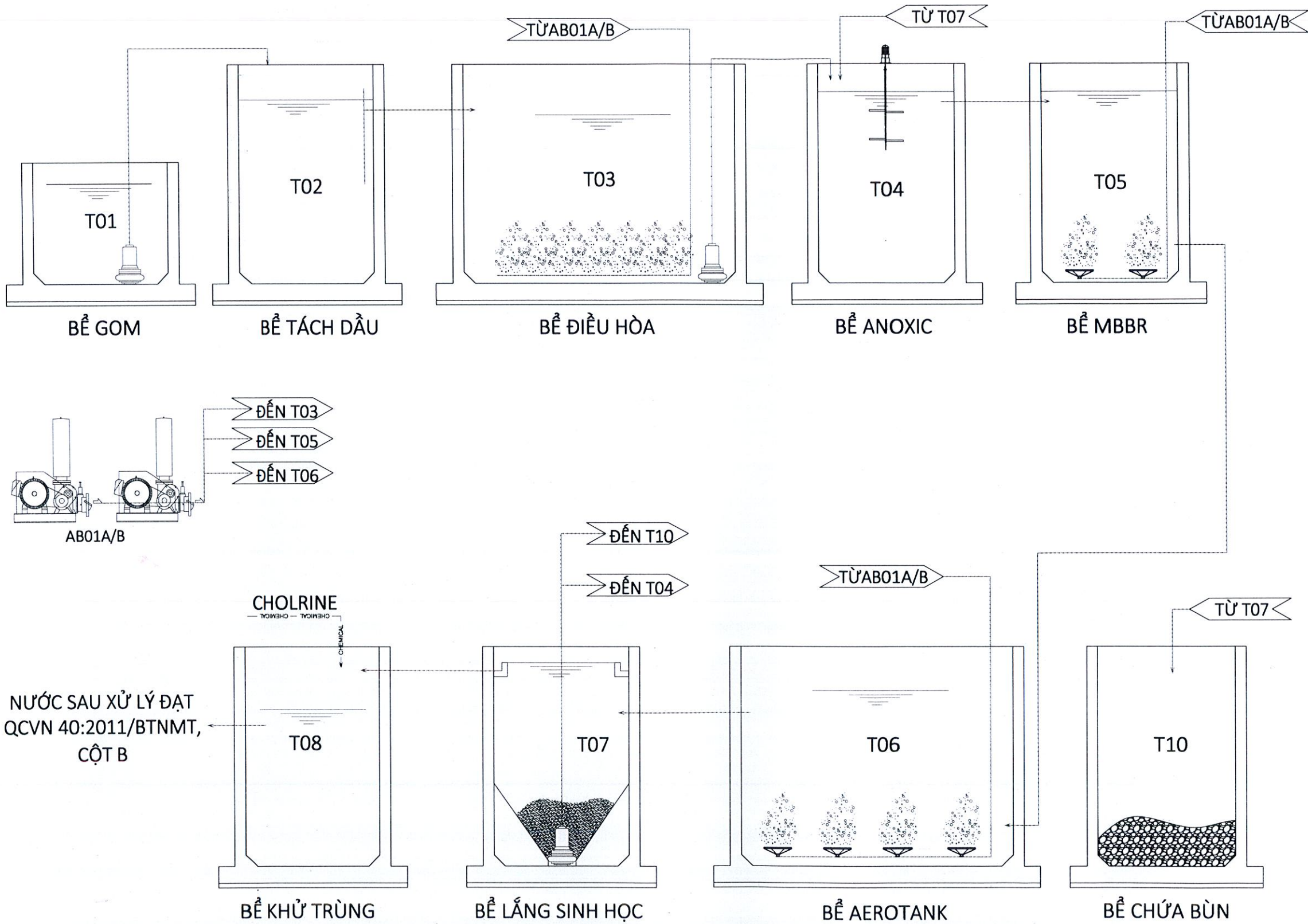
CHI TIẾT BỀ TỰ HOẠI
比費池細菌

117-2019/ A01-04-03

117-2019/ A01-04-04

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

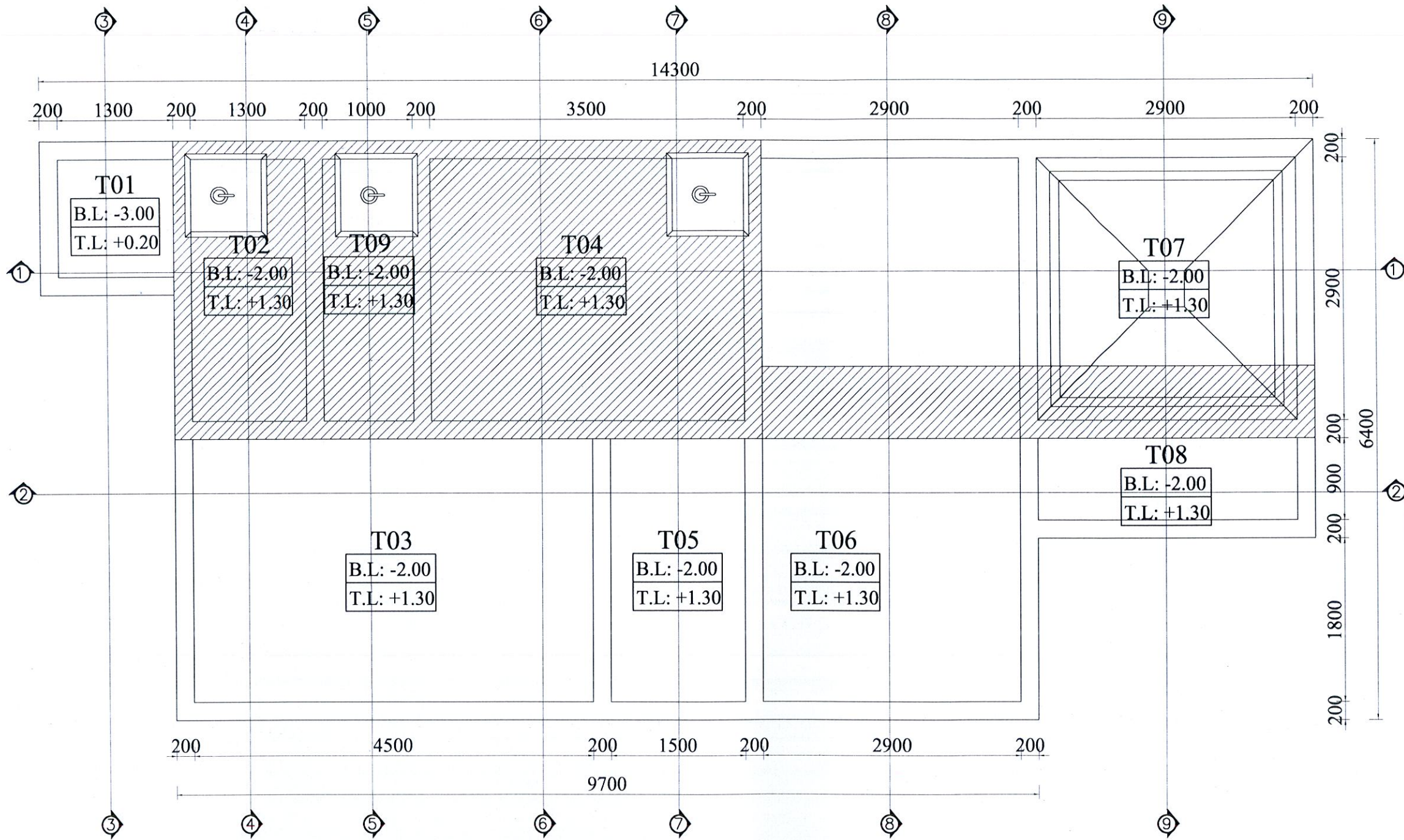
TỶ LỆ: 1/50



GHI CHÚ			
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
☐ BẢO GIÁ		☐ THI CÔNG	
☒ TRÌNH DUYỆT		☐ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)			
ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước			
GIÁM ĐỐC			
YEH HSINCHANG			
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ			
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT CÓ PHÂN CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT ĐC: 401 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thanh Lộc, Q.12, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 08137010199 / Fax: 08. 37010198			
TỔNG GIÁM ĐỐC			
ThS. PHAN THANH QUÍ			
THIẾT KẾ			
ThS. PHẠM DUY TÂN			
VẼ			
KS. TẠ TIẾN LẬP			
KIỂM TRA			
ThS. PHẠM DUY TÂN			
DỰ ÁN			
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT			
ĐỊA ĐIỂM			
Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ			
BẢN VẼ SỐ	BV-01 NT-TB	NGÀY HOÀN THÀNH	07/2023

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(CÔNG SUẤT:120M³/NGÀY)

TỶ LỆ: 1/50



STT	KÝ HIỆU	TÊN	STT	KÝ HIỆU	TÊN
1	T01	BỂ GOM	6	T06	BỂ AEROTANK
2	T02	BỂ TÁCH DẦU	7	T07	BỂ LẮNG SINH HỌC
3	T03	BỂ ĐIỀU HOÀ	8	T08	BỂ KHỬ TRÙNG
4	T04	BỂ ANOXIC	9	T09	BỂ CHỨA BÙN
5	T05	BỂ MBBR			

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE
ENTERPRISE (VIỆT NAM)

ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC

YEH HSINCHANG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1-KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

QUẢN LÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

DỰ ÁN

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM

Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ SỐ

NT-02

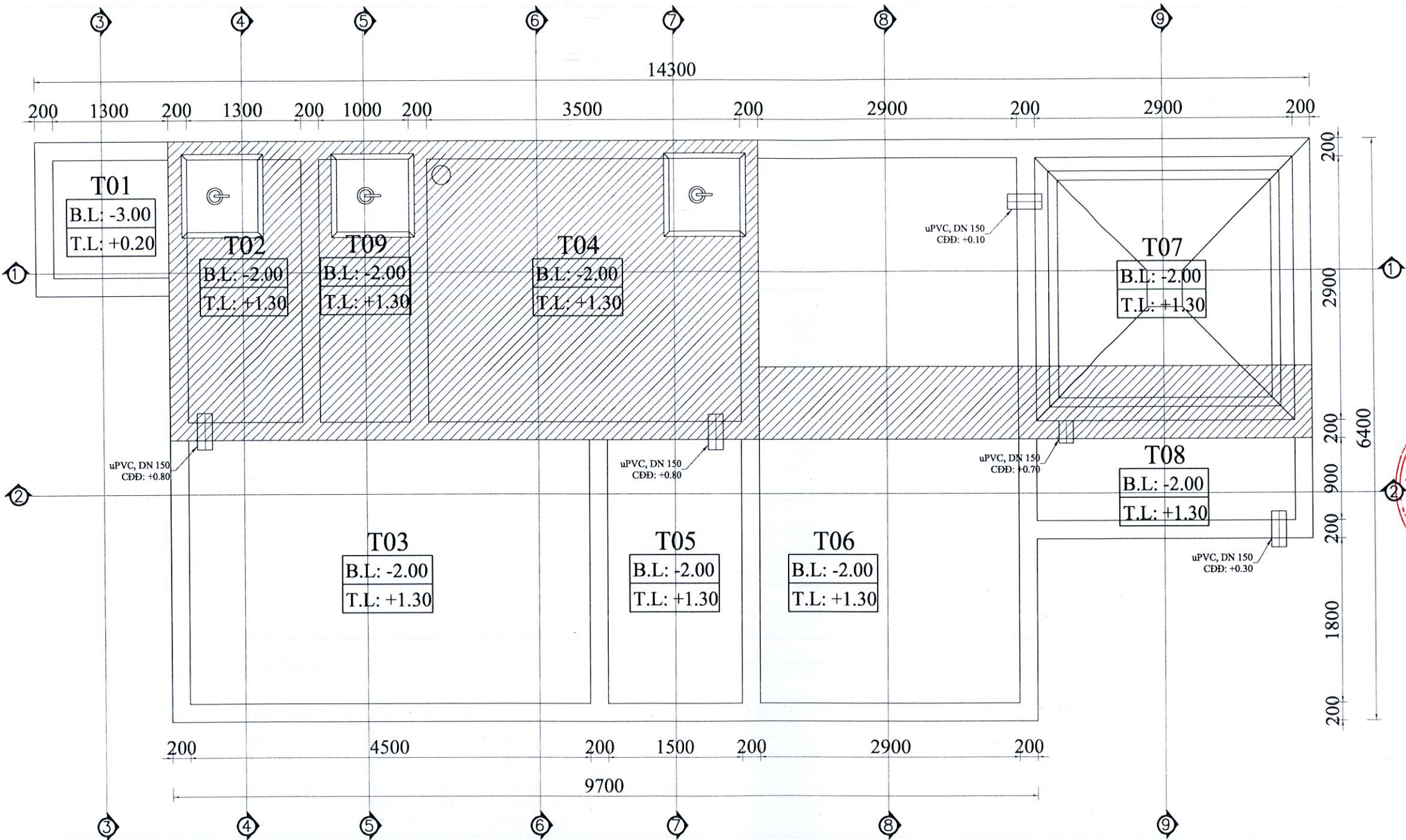
BV-TD

NGÀY HOÀN THÀNH

07/2023

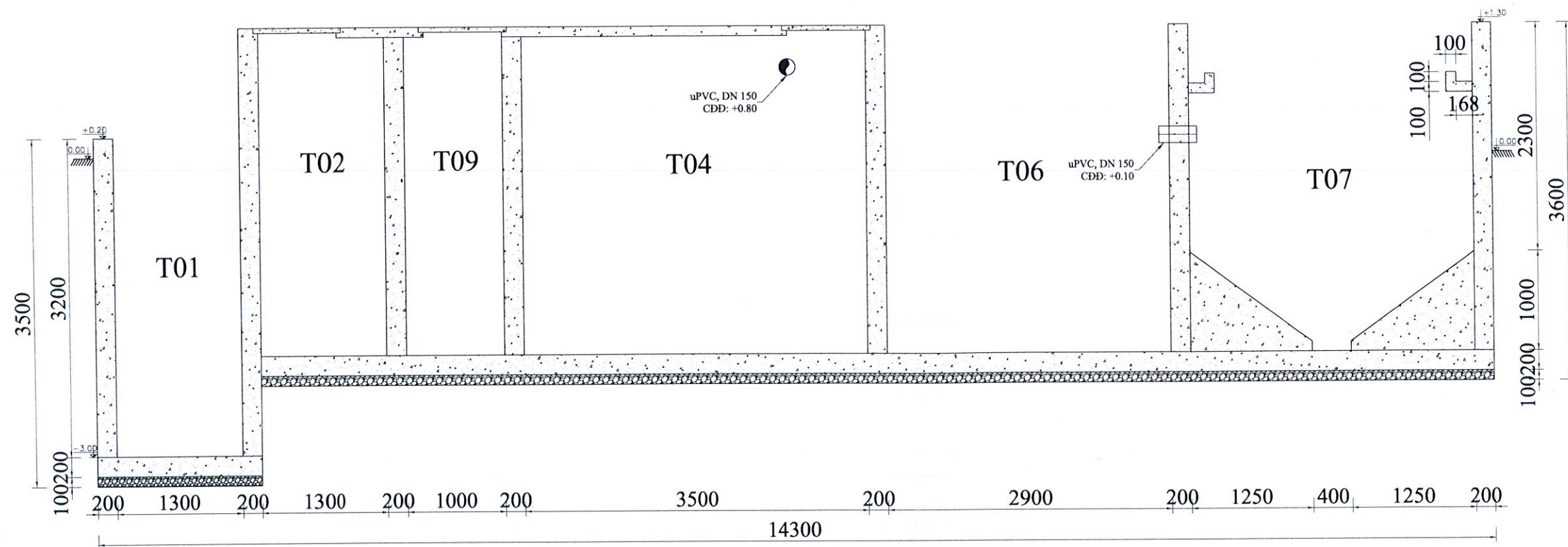
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ÔNG CHỜ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(CÔNG SUẤT:120M³/NGÀY)

TỶ LỆ: 1/50

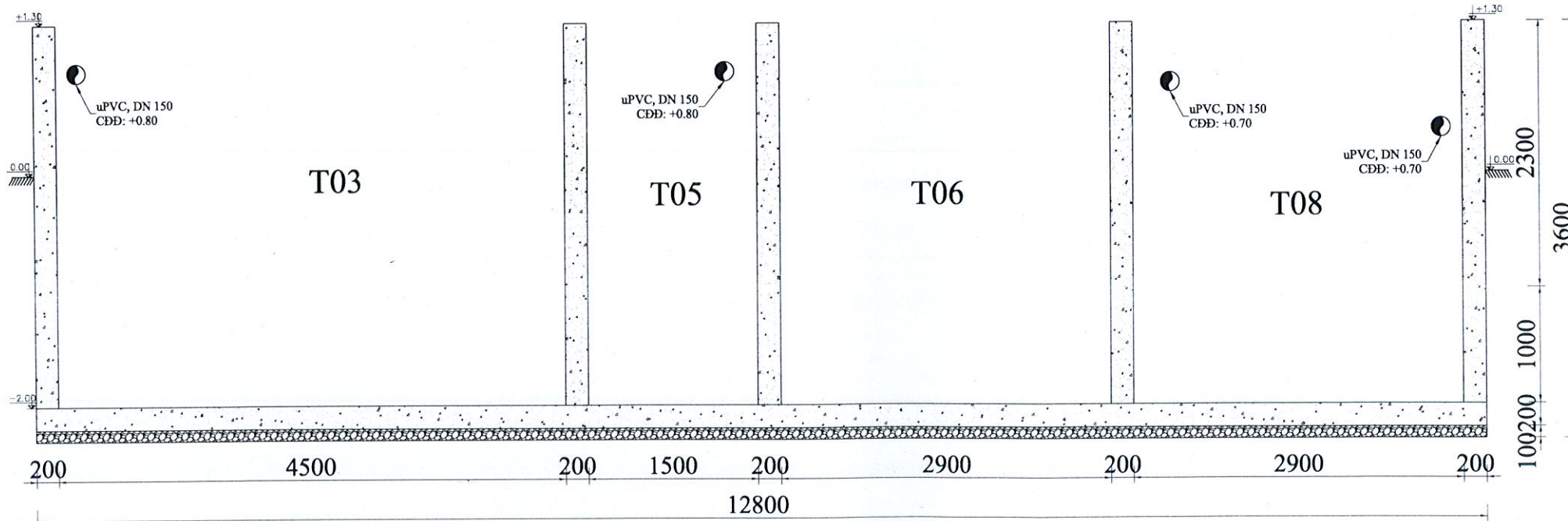


STT	KÝ HIỆU	TÊN	STT	KÝ HIỆU	TÊN
1	T01	BỂ GOM	6	T06	BỂ AEROTANK
2	T02	BỂ TÁCH DẦU	7	T07	BỂ LẮNG SINH HỌC
3	T03	BỂ ĐIỀU HOÀ	8	T08	BỂ KHỬ TRÙNG
4	T04	BỂ ANOXIC	9	T09	BỂ CHỨA BÙN
5	T05	BỂ MBBR			

GHI CHÚ	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
☐ BẢO GIÁ	☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT	☐ HOÀN CÔNG
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)	
ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	
GIÁM ĐỐC	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT	
ĐC: 461 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 98.37010199 Fax: 08.37010198	
TỔNG GIÁM ĐỐC	ThS. PHAN THANH QUÍ
THIẾT KẾ	ThS. PHẠM DUY TÂN
VẼ	KS. TẠ TIẾN LẬP
KIỂM TRA	ThS. PHẠM DUY TÂN
DỰ ÁN	
NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT	
ĐỊA ĐIỂM	
Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	
HẠNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ÔNG CHỜ	
BẢN VẼ SỐ	NT-03 BV-TD
NGÀY HOÀN THÀNH	07/2023



MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ: 1/50

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BÁO GIÁ ☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE
ENTERPRISE (VIỆT NAM)**

ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

YEH HSINCHANG

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
Thị trấn Thủ Đức, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

DỰ ÁN

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM

Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT: 1-1; 2-2

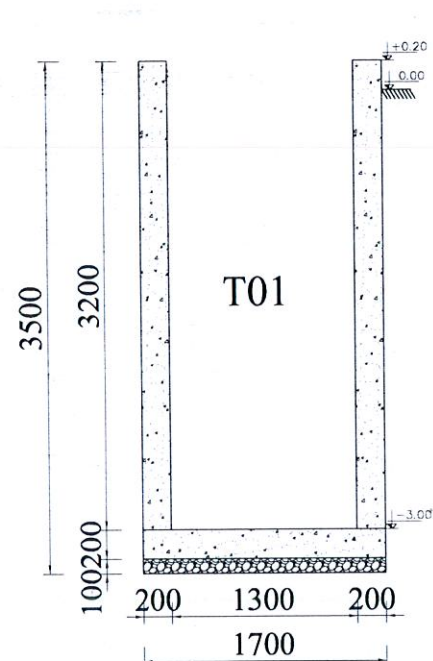
BẢN VẼ SỐ

NT-04

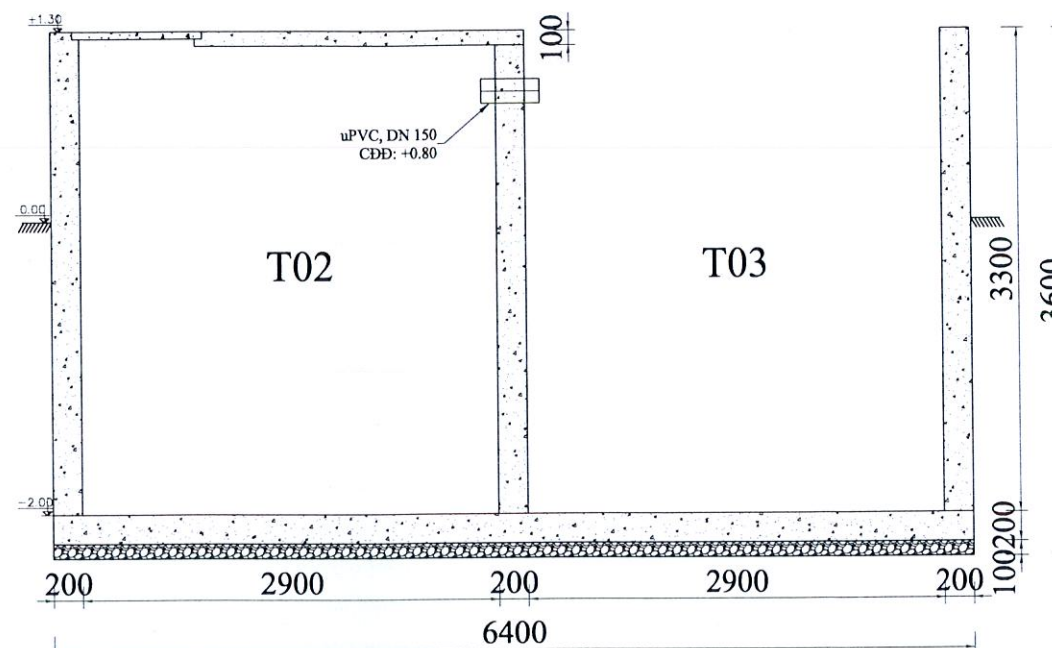
BV-TD

NGÀY HOÀN THÀNH

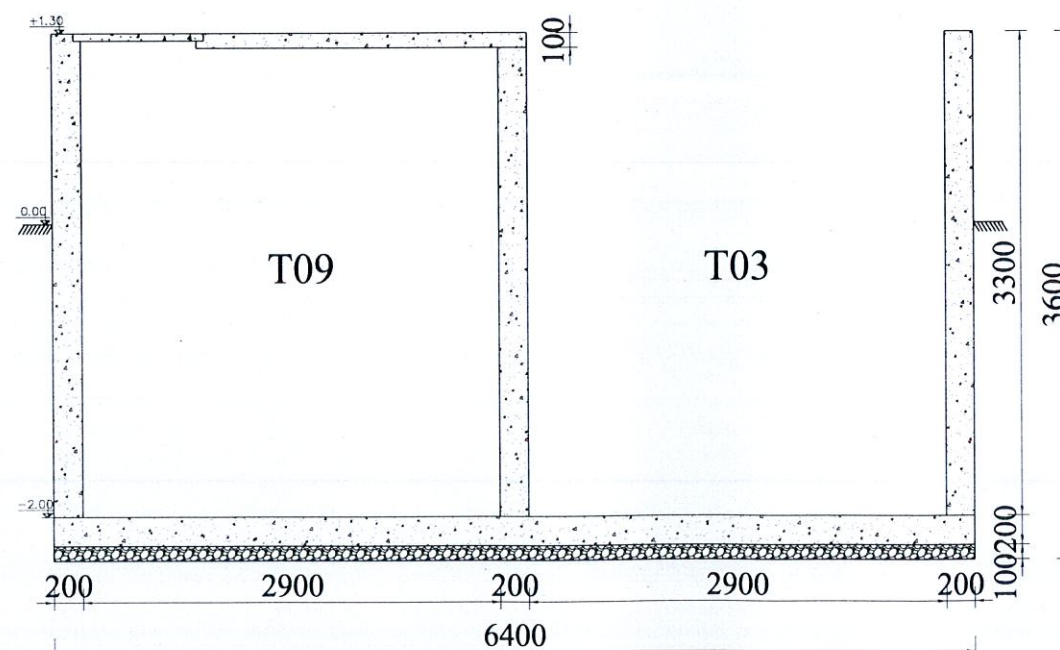
07/2023



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ: 1/50

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE
ENTERPRISE (VIỆT NAM)**

ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

YEH HSINCHANG

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

DỰ ÁN

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM

Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

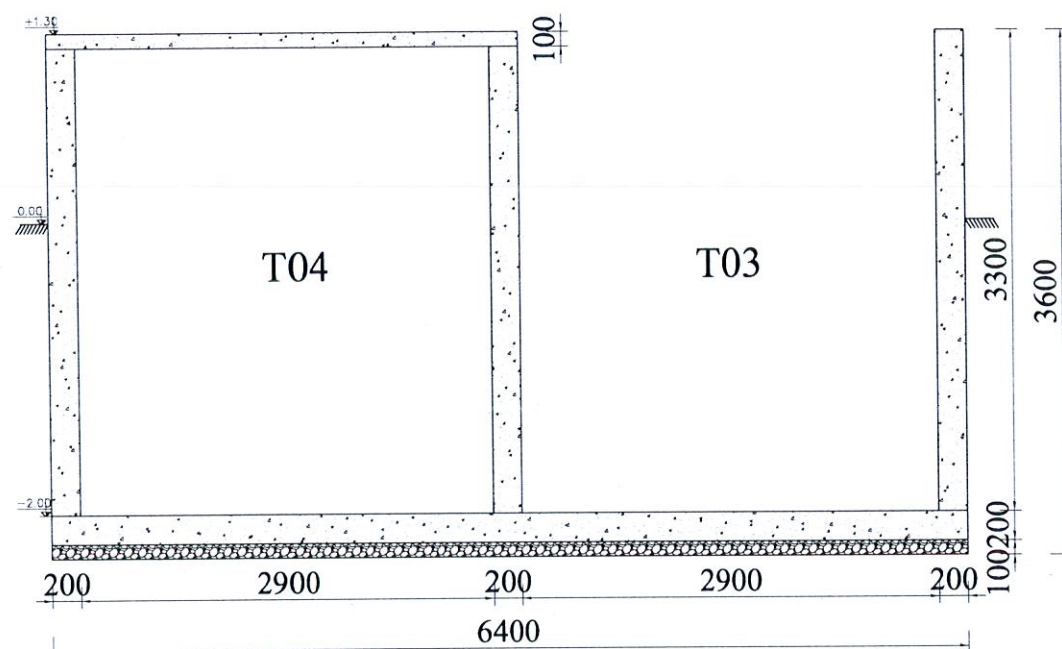
HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

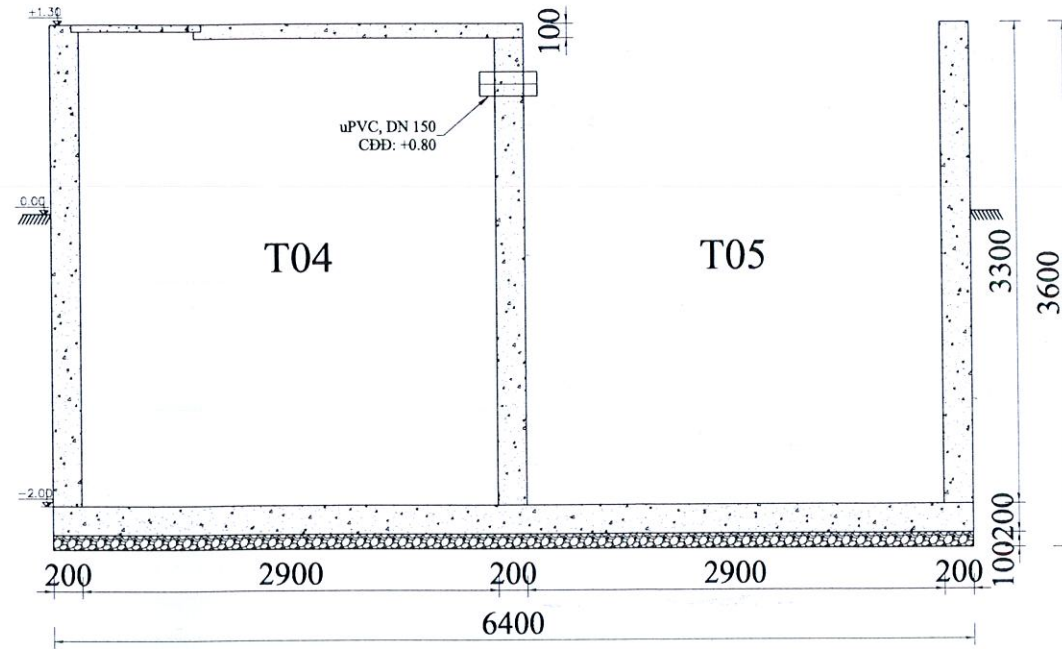
TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT: 3-3; 4-4; 5-5

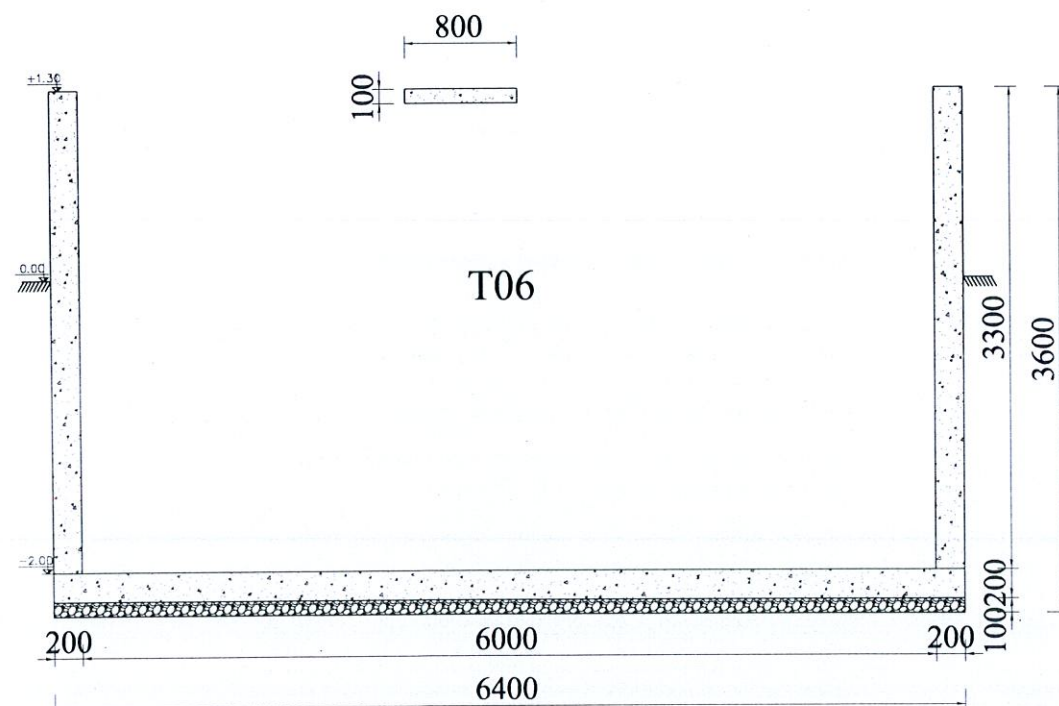
BẢN VẼ SỐ NT-05
BV-TD NGÀY HOÀN THÀNH 07/2023



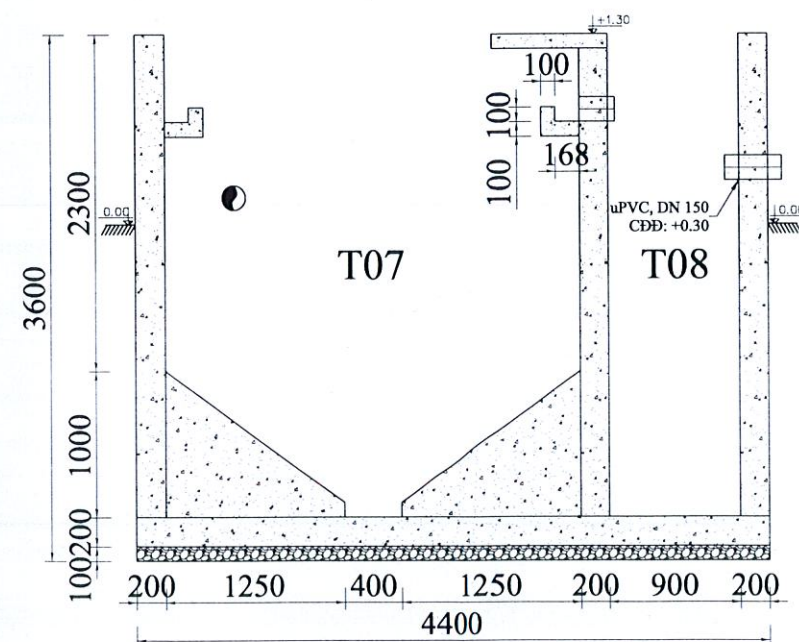
MẶT CẮT 6-6
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 7-7
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 8-8
TỶ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 9-9
TỶ LỆ: 1/50

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE
ENTERPRISE (VIỆT NAM)**

ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 401 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

TỔNG GIÁM ĐỐC
ThS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ
ThS. PHẠM DUY TÂN

VẼ
KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA
ThS. PHẠM DUY TÂN

DỰ ÁN

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM

Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

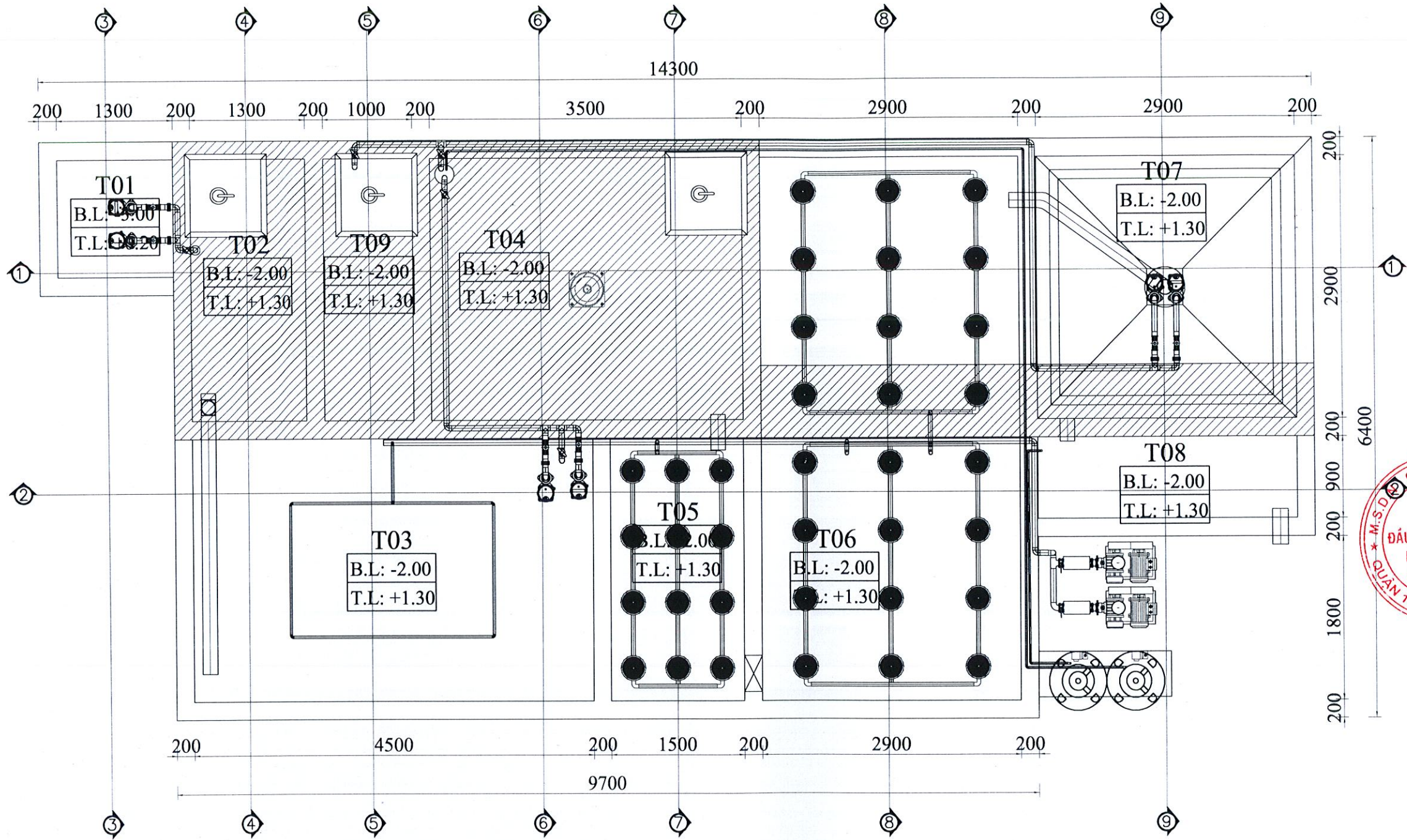
TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT: 6-6; 7-7; 8-8; 9-9

BẢN VẼ SỐ NT-06
BV-TD NGÀY HOÀN THÀNH 07/2023

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(CÔNG SUẤT:120M³/NGÀY)

TỶ LỆ: 1/50



STT	KÝ HIỆU	TÊN	STT	KÝ HIỆU	TÊN
1	T01	BỂ GOM	6	T06	BỂ AEROTANK
2	T02	BỂ TÁCH DẦU	7	T07	BỂ LẮNG SINH HỌC
3	T03	BỂ ĐIỀU HOÀ	8	T08	BỂ KHỬ TRÙNG
4	T04	BỂ ANOXIC	9	T09	BỂ CHỨA BÙN
5	T05	BỂ MBBR			

GHI CHÚ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- ☐ BẢO GIÁ ☐ THI CÔNG
☒ TRÌNH DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MTV
LUCKY UNIQUE
ENTERPRISE (VIỆT NAM)

ĐC: Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

YEH HSINCHANG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
P. Thạnh Lộc, Q. 12, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 37010199 Fax: 08. 37010198

CHỖ GIÁM ĐỐC

THS. PHAN THANH QUÍ

THIẾT KẾ

THS. PHẠM DUY TÂN

VẼ

KS. TẠ TIẾN LẬP

KIỂM TRA

THS. PHẠM DUY TÂN

DỰ ÁN

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

ĐỊA ĐIỂM

Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành 1, KP 2, phường
Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ SỐ

NT-07

BV-TD

NGÀY HOÀN THÀNH

07/2023